

Số: 24/2011/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2011

THÔNG TƯ

Về việc thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định tại các văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 09/2010/TT-NHNN ngày 26 tháng 3 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 23 và khoản 24 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15:

“1. Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 09/2010/TT-NHNN thành 08 bộ (trong đó có 02 bộ chính) gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) để đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng; 01 bộ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (nơi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính) đề nghị chấp thuận về việc đặt trụ sở chính của ngân hàng tại địa bàn”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 15:

“b) Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 09/2010/TT-NHNN thành 02 bộ chính gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng);”

3. Điều chỉnh “thời hạn tối đa 90 ngày” tại điểm d khoản 2 Điều 15 thành “thời hạn tối đa 60 ngày”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18:

“3. Làm đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản xác nhận về danh mục hồ sơ.

b) Đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng:

- Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ chấp thuận nguyên tắc, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chấp thuận nguyên tắc không đầy đủ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm:

+ Có văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ gửi các thành viên Hội đồng thẩm định xem xét. Văn bản đề nghị thẩm định nêu rõ kết quả thẩm định và quan điểm đề xuất về việc cấp Giấy phép;

+ Có văn bản yêu cầu triệu tập Ban trụ bị trình bày các vấn đề có liên quan việc thành lập ngân hàng theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Thông tư này;

+ Thẩm định hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và soạn tờ trình báo cáo, đề nghị Chủ tịch Hội đồng thẩm định triệu tập họp các thành viên Hội đồng thẩm định để xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng;

+ Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

(i) Có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng nếu đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này; hoặc

(ii) Có văn bản chưa chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng và yêu cầu Ban trụ bị bổ sung hồ sơ hoặc giải trình các vấn đề liên quan trong hồ sơ chưa rõ ràng; hoặc

(iii) Có văn bản không chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng nếu hồ sơ không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-NHNN.

 Luật Việt Nam
www.luatvietnam.vn

c) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

- Ký Quyết định cấp Giấy phép, xác nhận đăng ký Điều lệ tổ chức và hoạt động; hoặc

- Có văn bản chưa chấp thuận cấp Giấy phép và yêu cầu Ban trụ bị bổ sung hồ sơ hoặc giải trình các vấn đề liên quan trong hồ sơ chưa rõ ràng; hoặc

- Có văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép, nếu không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư này.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định về thành lập và hoạt động công ty kiêu hời trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 951/2003/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 8 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 27 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

1. Bãi bỏ khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 4.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5:

“1. Ngân hàng thương mại cổ phần thành lập Công ty kiêu hời trực thuộc lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 của Quy định này gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).”.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 13.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định tạm thời về việc ngân hàng thương mại cổ phần đăng ký niêm yết và phát hành cổ phiếu ra công chúng ban hành kèm theo Quyết định số 787/2004/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 34, 35 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 34 Nghị quyết 60/NQ-CP:

“ Điều 5.

1. Ngân hàng thương mại cổ phần lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Quy định này gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để được xem xét, giải quyết.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước xem xét và có công văn chấp thuận hoặc không chấp thuận việc Ngân hàng thương mại cổ phần đăng ký niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.”

2. Bãi bỏ Điều 12.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 13:

“Điều 13.

Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng có trách nhiệm tiếp hồ sơ, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận cho Ngân hàng thương mại cổ phần được đăng ký xin niêm yết cổ phiếu tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15:

“Điều 15.

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để kịp thời tổng hợp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.”.

5. Bãi bỏ các quy định tại Mục 2 Quy định tạm thời về việc ngân hàng thương mại cổ phần đăng ký niêm yết và phát hành cổ phiếu ra công chúng ban hành kèm theo Quyết định số 787/2004/QĐ-NHNN để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 35 Mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP và khoản 3, 4, 5, 9, 10, 11 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 7.1, 7.2 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 37, 39 mục III Phần A của Nghị quyết 60/NQ-CP và khoản 10 mục A, Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP:

“7.1. Hồ sơ xin cấp Giấy phép được lập thành một bản chính gồm hai (02) bộ, một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng Anh, trong đó:

a) Các văn bản tiếng Anh phải được hợp pháp hoá lãnh sự gồm:

- Các văn bản nêu tại tiết a, b, d, m, n điểm 6.1 Thông tư này;
- Các văn bản nêu tại tiết a, b, c, d, g, p, q điểm 6.2 Thông tư này;
- Các văn bản nêu tại tiết a, g, h điểm 6.3 Thông tư này.

b) Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực; riêng bản dịch các báo cáo tài chính thường niên có thể do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và chức năng dịch thuật xác nhận. Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) và được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

7.2. Toàn bộ hồ sơ gốc nêu trên được lập thêm hai (02) bản và nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) có văn bản xác

nhận đủ hồ sơ hoặc thông báo về tình trạng hồ sơ và đề nghị bổ sung thông tin, hồ sơ (nếu chưa đủ, chưa hợp lệ). Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được thông tin, hồ sơ bổ sung, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) có văn bản xác nhận đủ hồ sơ hoặc thông báo tiếp về tình trạng hồ sơ theo nguyên tắc trên.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 9 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 5 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP:

“a) Đơn đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động (Phụ lục 01a.ĐGH, 01b.ĐGH đính kèm theo Thông tư này).”.

3. Bãi bỏ điểm g khoản 9 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 38 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 18 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 39 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP:

“18. Hồ sơ chuyển đổi

18.1. Chuyển từ Ngân hàng liên doanh sang Ngân hàng 100% vốn nước ngoài

Hồ sơ chuyển đổi ngân hàng liên doanh thành ngân hàng 100% vốn nước ngoài gồm các hồ sơ quy định tại tiết a, b, c, d, e, g, h, o, p khoản 6.2 Mục III Phần I của Thông tư 03/2007/TT-NHNN. Ngoài ra, Ngân hàng liên doanh có nhu cầu chuyển đổi còn phải nộp:

a) Đơn đề nghị chuyển đổi ngân hàng liên doanh thành ngân hàng 100% vốn nước ngoài do chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng liên doanh ký;

b) Biên bản (hoặc Nghị quyết) họp Hội đồng quản trị ngân hàng liên doanh thống nhất việc chuyển đổi từ ngân hàng liên doanh sang mô hình hoạt động ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

c) Hợp đồng (hoặc cam kết) chuyển nhượng vốn của bên Việt Nam trong liên doanh cho bên nhận chuyển nhượng vốn nước ngoài.

Việc chuyển nhượng vốn phải đảm bảo có một ngân hàng nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

18.2. Chuyển từ ngân hàng 100% vốn nước ngoài sang ngân hàng liên doanh

Hồ sơ chuyển đổi ngân hàng 100% vốn nước ngoài thành ngân hàng liên doanh gồm các hồ sơ quy định tại tiết a, b, c, d, e, g, h, o, p khoản 6.2 Mục III Phần I của Thông tư này. Ngoài ra, ngân hàng 100% vốn nước ngoài có nhu cầu chuyển đổi còn phải nộp:

a) Đơn đề nghị chuyển đổi ngân hàng 100% vốn nước ngoài thành ngân hàng liên doanh do chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng 100% vốn nước ngoài ký;

b) Biên bản (hoặc nghị quyết) họp Hội đồng quản trị ngân hàng 100% vốn nước ngoài thông nhất việc chuyển đổi từ ngân hàng 100% vốn nước ngoài sang mô hình hoạt động ngân hàng liên doanh;

c) Hợp đồng (hoặc cam kết) chuyển nhượng vốn cho bên Việt Nam tham gia liên doanh.

Việc chuyển nhượng vốn phải đảm bảo tỷ lệ quy định tại Điều 46 của Nghị định (mức góp vốn của Bên nước ngoài tối đa không quá 50% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh).”

5. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 23.1 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 11 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP:

“a) Đơn đề nghị đổi tên do Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, hoặc người có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) ký (Phụ lục 02a. ĐGH, 02b. ĐGH đính kèm)”.

6. Bãi bỏ tiết c điểm 23.1 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 11 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP.

7. Sửa đổi, bổ sung tiết c điểm 23.2 để thực thi phương án đơn giản hóa nêu tại khoản 3 Mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP:

“c) Trường hợp ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh tăng vốn do có sự thay đổi về thành viên tham gia góp vốn sẽ phải gửi thêm hồ sơ theo quy định tại điểm 57.3 Thông tư 03/2007/TT-NHNN”.

8. Bãi bỏ tiết d điểm 23.2 để thực thi phương án đơn giản hóa nêu tại khoản 3 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 24 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 11 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP:

“a) Các hồ sơ đề nghị thay đổi nêu trên được lập thành 01 bộ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận các đề nghị thay đổi nêu trên. Trong trường hợp từ chối Ngân hàng Nhà nước giải thích rõ lý do.”.

10. Bãi bỏ tiết d điểm 57.2 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 41 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm 57.3 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 42 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP:

“57.3. Hồ sơ chuyển nhượng cho đối tác mới ngoài ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoặc ngoài ngân hàng liên doanh:

Trong trường hợp này, đối tác mới phải có đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh nộp một (01) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến

Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng); kèm theo các văn bản, tài liệu để chứng minh khả năng đáp ứng được các điều kiện theo quy định về các điều kiện để được thành lập và hoạt động ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh quy định tại điểm 5.3 Mục III phần I Thông tư này và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Ngoài ra, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) các văn bản, tài liệu sau đây:

a) Đơn xin chuyển nhượng vốn góp do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký. Trong đơn cần nêu:

- Lý do chuyển nhượng;
- Báo cáo về việc thẩm định tư cách pháp lý, tình hình tài chính của đối tác mới, khả năng đáp ứng các điều kiện theo quy định để được tham gia ngân hàng 100% vốn nước ngoài, tham gia ngân hàng liên doanh của đối tác mới.
- Các đề nghị khác (nếu có) về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ, tên gọi, địa điểm trụ sở chính, điều chỉnh nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, hợp đồng liên doanh; thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh; và các nội dung cần thay đổi, bổ sung khác có liên quan đến việc chuyển nhượng vốn này.

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh nhất trí đối với việc chuyển nhượng vốn.

c) Hợp đồng (cam kết, thoả thuận) chuyển nhượng vốn giữa bên chuyển nhượng vốn với bên nhận chuyển nhượng.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 58 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 41, 42, 43 mục III Phần A của Nghị quyết 60/NQ-CP:

“a) Các tài liệu có liên quan trong hồ sơ chuyển nhượng vốn được lập ở nước ngoài (nếu có) phải lập bằng tiếng Anh và phải được hợp pháp hoá lãnh sự (trừ những trường hợp được quy định tại điểm 7.1 mục III phần I Thông tư này). Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực.

b) Ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, riêng đối với trường hợp chuyển nhượng vốn cho đối tác mới ngoài ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh là 90 ngày, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc từ chối đề nghị chuyển nhượng vốn và các thay đổi kèm theo. Trong trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản giải thích rõ lý do.”.

13. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 69.1 và tiết a điểm 69.2 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 44 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP:

a) Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 69.1: “a) Đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đơn đề nghị đổi tên văn phòng đại diện, trong đó có giải thích lý do xin đổi tên (do việc hợp nhất, sáp nhập, chia tách, mua lại của tổ chức tín dụng nước ngoài...); kèm theo một (01) bộ văn bản chuẩn y hoặc văn bản chấp nhận việc đổi tên của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài đổi tên.”;

b) Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 69.2: “a) Đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đơn xin chuyển địa điểm văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác, trong đó có giải thích lý do của việc chuyển địa điểm (01 bản chính).”.

14. Bổ sung điểm c vào khoản 71 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 45 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP, khoản 9 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP:

“c) Sau khi văn phòng đại diện đã hoàn tất các nghĩa vụ, thủ tục nêu trên, Văn phòng đại diện nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) 01 bộ bản sao được chứng thực các văn bản liên quan chứng minh việc hoàn tất các nghĩa vụ, thủ tục. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày văn phòng đại diện nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định đóng cửa, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện.”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 72 để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 45 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP:

“a) Trong trường hợp này tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện, tổ chức tín dụng nước ngoài phải có đơn đề nghị nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).”.

16. Bổ sung Thông tư 03/2007/TT-NHNN các phụ lục số 01a.ĐGH, 01b.ĐGH, 02a.ĐGH, 02b.ĐGH đính kèm Thông tư này.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều tại Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 46, 47 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

1. Bãi bỏ khoản 10 Điều 14.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 22:

“Lập 01 bộ hồ sơ (bộ gốc) theo quy định tại Điều 13 Quy chế này và gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề xin chấp thuận nguyên tắc;

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận về nguyên tắc, Ban trụ bị có trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên để thông qua các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế này;

b) Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Quy chế này và nộp 02 bộ hồ sơ (bộ gốc) qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).”.

3. Thay thế Mẫu đơn xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/QĐ-NHNN bằng phụ lục số 03.ĐGH kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định 79/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 48 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.1:

“4.1. Vốn điều lệ của Công ty tài chính được góp bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi nhưng phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng tại thời điểm góp vốn”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 7.2, 7.3, 7.7:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm 7.2, 7.3:

“7.2. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật;

7.3 Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính, cụ thể:

a) Đối với tổ chức:

- Đối với doanh nghiệp Việt Nam không phải là tổ chức tín dụng:

+ Là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng vào năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn thành viên trở lên. Trường hợp tập đoàn kinh tế đề nghị thành lập công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng và phải có cam kết hỗ trợ về tài chính cho công ty tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp công ty tài chính gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng chi trả;

+ Kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính.

+ Vốn góp tham gia thành lập phải đảm bảo: vốn chủ sở hữu trừ đi phần chênh lệch giữa các khoản đầu tư dài hạn và nợ dài hạn tối thiểu bằng số vốn góp theo cam kết (cách xác định theo phụ lục số 04.ĐGH kèm theo Thông tư này).

- Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam phải đảm bảo:

+ Duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật sau khi góp vốn vào công ty tài chính;

+ Có tổng tài sản Có tối thiểu 50.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ nhỏ hơn 3% tại thời điểm xin góp vốn thành lập công ty tài chính;

+ Không vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời gian 06 tháng liên tục trước thời điểm đề nghị thành lập công ty tài chính;

+ Hoạt động kinh doanh lành mạnh, an toàn; có lãi trong năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính.

- Đối với tổ chức tín dụng nước ngoài tham gia thành lập công ty tài chính liên doanh và công ty tài chính 100% vốn nước ngoài:

+ Có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn, trừ trường hợp Hiệp định đầu tư song phương giữa Việt Nam và nước nguyên xứ có quy định khác;

+ Hoạt động kinh doanh lành mạnh, an toàn; có lãi trong năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính;

+ Trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài là ngân hàng, ngoài các điều kiện nêu trên phải là ngân hàng có uy tín, được tổ chức xếp hạng quốc tế xếp hạng từ mức trung bình và ổn định trở lên, có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

b) Đối với cá nhân:

- Mang quốc tịch Việt Nam, không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định tại khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2005;

- Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập công ty tài chính;

- Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;

- Có bằng đại học hoặc trên đại học ngành kinh tế hoặc Luật;

- Cam kết hỗ trợ về tài chính cho công ty tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp công ty tài chính gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng chi trả.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm 7.7:

"7.7. Các điều kiện khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng”.

3. Bãi bỏ điểm 8.7.

 LuatVietnam.com.vn

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 12.3:

"12.3. Các tổ chức, cá nhân xin cấp Giấy phép phải gửi hai (02) bộ hồ sơ gốc theo quy định tại điểm 12.1 và 12.2 qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung điểm 10.2, 10.3 Thông tư số 06/2005/TT-NHNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP để thực thi phương án đơn giản hoá tại khoản 48 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

“10.2. Đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng: Hồ sơ xin cấp Giấy phép được lập thành hai (02) bộ gửi qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

10.3. Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: Hồ sơ xin cấp Giấy phép được lập thành hai (02) bộ (một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng Anh) gửi Ngân hàng gửi qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy chế hoạt động bao thanh toán của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 57 Nghị quyết 60/NQ-CP và tại khoản 14 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Quy chế hoạt động bao thanh toán của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN:

“1. Đơn vị bao thanh toán: là tổ chức tín dụng quy định tại điểm 2.1 Khoản 2, Điều 1 của Quy chế này.”.

2. Bãi bỏ Điều 5, Điều 8, Điều 9 Quy chế hoạt động bao thanh toán ban hành kèm theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN và khoản 4, 5 Điều 1 Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Thông tư số 02/2008/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định

số 28/2005/NĐ-CP để thực thi phương án đơn giản hoá tại khoản 62, 63 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

1. Bãi bỏ điểm 10.4 để thực thi phương án đơn giản hoá tại khoản 62 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP.

2. Bổ sung điểm 11.4 để thực thi phương án đơn giản hoá tại khoản 62 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP:

“11.4. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ đề nghị cấp Giấy phép phải gửi hồ sơ theo quy định tại điểm 11.1 và 11.2 qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 để thực thi phương án đơn giản hoá tại khoản 63 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:

“16. Gia hạn Giấy phép

16.1. Chậm nhất 60 (sáu mươi) ngày trước ngày hết hạn của Giấy phép, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải gửi một (01) bộ hồ sơ gốc đề nghị gia hạn Giấy phép qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Hồ sơ đề nghị gia hạn bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước do Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký;

b) Văn bản của Hội nghị thành viên (chủ sở hữu) nhất trí việc đề nghị gia hạn Giấy phép;

c) Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc gia hạn Giấy phép;

d) Báo cáo tình hình hoạt động trong ba năm gần nhất do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, trong đó nêu rõ kết quả hoạt động, tình hình thực hiện các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, mạng lưới hoạt động, loại khách hàng phục vụ chính, số lượng khách hàng thành viên, đánh giá tác động xã hội mà hoạt động của tổ chức mang lại, tổng kết những mục tiêu đã đạt được và chưa đạt được so với kế hoạch và dự kiến chiến lược hoạt động trong thời gian tới;

đ) Phương án hoạt động dự kiến trong ba năm đầu tiên sau khi gia hạn Giấy phép, nêu rõ các vấn đề như quy định tại khoản 10 điểm 10.3 Thông tư này.

16.2. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức đứng đơn giải trình và/hoặc cung cấp các tài liệu bổ sung nhằm làm rõ nội dung trong hồ sơ đề nghị gia hạn nêu tại điểm 16.1 khoản này.

16.3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quy định tại điểm 16.1 khoản này, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét quyết định chấp thuận hay từ chối gia hạn Giấy phép đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Trường hợp từ chối gia hạn, Ngân hàng Nhà nước có văn bản giải thích lý do.

16.4. Việc gia hạn thời hạn hoạt động do Ngân hàng Nhà nước xem xét từng lần. Mỗi lần gia hạn tối đa bằng thời hạn hoạt động đã quy định trong Giấy phép trước.

16.5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được gia hạn Giấy phép hoạt động, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải đăng báo Trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp các nội dung như quy định tại khoản 15 điểm 15.1 tiết h Thông tư này.”.

4. Thay thế phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 02/2008/TT-NHNN bằng phụ lục số 05.ĐGH kèm theo Thông tư này để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại điểm c khoản 62 mục III Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Thông tư số 07/2007/TT-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung Nghị định 69/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam, để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 7 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP của Chính phủ như sau:

1. Bãi bỏ điểm 5.5.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 8.2:

“8.2. Lập 03 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ bản chính và 02 bộ bản sao) theo quy định tại Khoản 5 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng).”.

3. Sửa đổi quy định “07 ngày làm việc” thành “05 ngày làm việc” tại khoản 10 và khoản 11.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~14~~ tháng 10 năm 2011.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, VP7.

THÔNG ĐỐC



Phụ lục số 01a.ĐGH

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngày... tháng ... năm..., Ngân hàng... (tên ngân hàng nước ngoài) đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép mở chi nhánh ngân hàng nước ngoài số ... tại ... (tỉnh/thành phố nơi đặt trụ sở chi nhánh ngân hàng nước ngoài). Theo đó, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có thời hạn hoạt động đến... Căn cứ nhu cầu hoạt động, hợp tác, đầu tư, kinh doanh với các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế Việt Nam, Ngân hàng... (tên ngân hàng nước ngoài) kính gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đơn và hồ sơ xin gia hạn thời hạn hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài) tại Việt Nam.

Ngân hàng... (tên ngân hàng nước ngoài) cam kết đảm bảo:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin gia hạn thời hạn hoạt động.

- Tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CHỦ TỊCH HĐQT

(hoặc đại diện có thẩm quyền của TCTD nước ngoài)

Phụ lục số 01b.ĐGH

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG
NGÂN HÀNG LIÊN DOANH, NGÂN HÀNG 100% VỐN NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngày... tháng ... năm..., Ngân hàng (tên ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài) đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số Theo đó, Ngân hàng (tên ngân hàng) có thời hạn hoạt động đến...

Căn cứ biên bản cuộc họp thành viên góp vốn (hoặc văn bản của ngân hàng mẹ...), Ngân hàng (tên ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài) và nhu cầu hoạt động, hợp tác, đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam, Ngân hàng... (tên ngân hàng) kính gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đơn và hồ sơ xin gia hạn thời hạn hoạt động.

Ngân hàng... (tên ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài) cam kết đảm bảo:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin gia hạn thời hạn hoạt động.

- Tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CHỦ TỊCH HĐQT

Phụ lục số 02a.ĐGH

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN THAY ĐỔI TÊN
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngày... tháng... năm..., Ngân hàng (tên) đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép mở chi nhánh ngân hàng nước ngoài số... Nay, Ngân hàng (tên) có nhu cầu đổi tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Ngân hàng (tên) kính gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đơn và hồ sơ xin thay đổi tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với các nội dung sau:

- Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi trong Giấy phép:
- Tên đề nghị được thay đổi:
- Lý do thay đổi:

Ngân hàng (tên) cam kết việc thay đổi tên sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

CHỦ TỊCH HĐQT

(hoặc đại diện có thẩm quyền của TCTD nước ngoài)

Phụ lục số 02b.ĐGH

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN THAY ĐỔI TÊN
NGÂN HÀNG LIÊN DOANH, NGÂN HÀNG 100% VỐN NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngày... tháng... năm..., Ngân hàng (tên ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài) đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số...

Căn cứ biên bản cuộc họp thành viên góp vốn ... (hoặc văn bản của ngân hàng mẹ...), Ngân hàng (tên ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài) kính gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đơn và hồ sơ xin thay đổi tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với các nội dung sau:

- Tên ngân hàng trong Giấy phép:
- Tên đề nghị được thay đổi:
- Lý do thay đổi:

Ngân hàng (tên ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài) cam kết việc thay đổi tên sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

CHỦ TỊCH HĐQT
(hoặc đại diện có thẩm quyền của TCTD nước ngoài)

BAN TRÙ BỊ THÀNH LẬP
TCTD PHI NHCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỔ PHẦN**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần (*nếu dự định thành lập Công ty tài chính cổ phần*); hoặc,

Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính, Căn cứ Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính (*nếu dự định thành lập Công ty cho thuê tài chính cổ phần*);

Căn cứ Quy chế cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên ngày... tháng...năm... về việc thống nhất thành lập Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần..., thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị của Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngày...tháng...năm.... về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc); Biên bản họp Ban kiểm soát của Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngày...tháng...năm... về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát,

Nay, Ban trụ bị thành lập Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần... thay mặt các cổ đông đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

I/ Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần sau đây:

1. Tên Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh
 - Tên giao dịch (nếu có)
2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email
 3. Địa bàn hoạt động:
 4. Nội dung hoạt động:
 5. Thời hạn hoạt động:
 6. Vốn điều lệ:

II/ Xác nhận đăng ký Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

Sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, công bố thông tin hoạt động và thông báo điều kiện khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 và Điều 12 Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 11 năm 2007.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**TM/ BAN TRƯ BỊ THÀNH LẬP TCTDPNHCP
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi đầy đủ họ và tên)

Hồ sơ đính kèm

Phụ lục số 04.ĐGH

Cách xác định khả năng tài chính của Doanh nghiệp Việt Nam không là tổ chức tín dụng

a) Công thức tổng quát

$$\text{Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty tài chính} = \text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Chênh lệch giữa các khoản đầu tư dài hạn và nợ dài hạn}$$

b) Công thức cụ thể

$$A = E - LI$$

$$LI = LA - LD$$

Trong đó:

- + A: khả năng về tài chính để góp vốn thành lập công ty tài chính.
- + E: Vốn chủ sở hữu.
- + LI: Chênh lệch giữa các khoản đầu tư dài hạn và nợ dài hạn.
- + LA: Tài sản dài hạn.
- + LD: Nợ dài hạn.

c) Kết luận:

* Nếu $A \geq$ số vốn cam kết góp thành lập công ty tài chính thì doanh nghiệp đó có đủ khả năng về tài chính.

* Nếu $A <$ số vốn cam kết góp thành lập Công ty tài chính thì doanh nghiệp đó không đủ khả năng tài chính.

Phụ lục số 05.ĐGH

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Các nội dung chính của bản sơ yếu lý lịch gồm:

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường dùng:
- (Các) tên khác được biết đến:
- Ngày/tháng/năm sinh:
- Nguyên quán:
- Quốc tịch và cách thức có được quốc tịch này (nơi sinh, lấy chồng/vợ, nhập quốc tịch):
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu, địa chỉ theo chứng minh nhân dân và địa chỉ cư trú hiện nay:
- Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu/ giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp tương đương khác):
- Ngày/tháng/năm và nơi cấp chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu/ giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp tương đương khác):
- Tên và địa chỉ các ngân hàng mà ông/bà sử dụng dịch vụ trong 5 năm vừa qua (nếu có):

2. Bằng cấp hoặc chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, nơi và thời gian học:

3. Nghề nghiệp, chức vụ hiện tại và quá trình công tác trong 10 năm qua (nêu rõ tên và địa chỉ của đơn vị công tác, nội dung công việc chính, chức vụ đảm trách và thời gian đảm trách):

4. Nêu rõ trong 10 năm qua ông/ bà có là cổ đông lớn (trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ ít nhất 10% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu) của một tổ chức khác không. Nếu có, nêu rõ tên và nội dung hoạt động chính của tổ chức này, số vốn góp và quyền lợi của ông/bà tại (các) tổ chức đó.

5. Ông/bà hoặc tổ chức mà ông/bà tham gia với tư cách là chủ sở hữu hoặc cán bộ quản lý (nắm giữ chức vụ từ Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc tương đương trở lên) đã từng bị xử lý kỷ luật, cảnh cáo, công luận phê phán, bị toà tuyên phá sản hay là đối tượng điều tra, xét xử của các cơ quan chức năng chưa? Nếu có, yêu cầu nêu chi tiết.

6. Ông/ bà đã từng bị cơ quan đuổi việc hoặc bị cấm làm công tác chuyên môn hoặc bị cấm nắm giữ một chức vụ nào đó tại bất kỳ nước nào chưa? Nếu có, yêu cầu nêu chi tiết.

7. Ông/ Bà đã bao giờ không trả được nợ đến hạn và phải trả theo lệnh của cơ quan chức năng chưa? Nếu có, yêu cầu nêu chi tiết.

8. Quan hệ gia đình: đề nghị nêu rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi (nếu có), bố mẹ vợ/chồng, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi (nếu có), anh, chị em ruột.

9. Các thông tin khác mà ông/bà thấy có liên quan đến việc đánh giá của Ngân hàng Nhà nước về tư cách đạo đức cũng như năng lực quản lý, điều hành của ông/bà (đặc biệt đối với những trường hợp mà việc bỏ sót các thông tin này có thể dẫn đến đánh giá không chính xác)

10. Cam kết trước pháp luật:

- Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu cố tình hoặc vô tình cung cấp các thông tin sai lệch trong quá trình nộp đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

- Tôi xin cam đoan rằng các thông tin đã cung cấp trong bản khai trên là đầy đủ và chính xác và không có một sự kiện nào khác liên quan đến nội dung bản khai này mà Ngân hàng Nhà nước cần được biết.

- Tôi xin cam đoan rằng tôi không thuộc các đối tượng quy định tại điều 18 Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam.

- Tôi cam kết sẽ thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đơn và hồ sơ.

11. Ngày/tháng/năm - Chữ ký (ghi đầy đủ họ tên) của người khai.

12. Xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc cơ quan có thẩm quyền (nếu cá nhân đang làm việc tại tổ chức) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại tổ chức).